

# ĐẢM BẢO CÔNG BẰNG XÃ HỘI TỪ GÓC NHÌN NHÓM LỢI ÍCH

NGUYỄN THỊ MAI HOA\*

## 1. Công bằng xã hội - thước đo nhân văn của xã hội

Ngược dòng lịch sử, khái niệm “công bằng” xuất hiện từ rất sớm và gắn liền với tên tuổi của nhà triết học vĩ đại Aristotle (sinh năm 384 TCN). Tuy nhiên, theo một số nhà khoa học trên thế giới, khái niệm “công bằng xã hội” (Social Justice) xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1840 trong công trình nghiên cứu *Luận thuyết pháp luật* của nhà triết học L.T D'Adzelo<sup>1</sup>. Sau đó, khái niệm này được nhà triết học Dzh.St.Millem<sup>2</sup> bàn sâu hơn trong cuốn *Chủ nghĩa duy lợi*<sup>3</sup> (xuất bản năm 1900). Hiện nay, “công bằng xã hội” trở thành vấn đề nóng bỏng, là trọng tâm hoạch định, thực hiện chính sách của nhiều quốc gia trên toàn cầu và được các nhà nghiên cứu đương đại như Dzh.Rouls, FA Hayek, R. Nozick, R. Dahrendorf, J. Habermas, Richard Rorty, Dzh.Gelbreyt, B. Barry, Walter Lippmann, W. Galston, G. Hart... tiếp tục luận thuyết.

Các nhà nghiên cứu thuộc nhiều trường phái khác nhau đã đưa ra ba mô thức công bằng xã hội: 1- Công bằng hiệu chỉnh; 2- Công bằng phân phối; 3- Công bằng giao hoán. Ba mô thức này được hiểu như sau: 1- Công bằng hiệu chỉnh biểu thị bằng

tương quan giữa sai phạm (tội lỗi) với hình phạt (trùng phạt); 2- Sự phân phối công bằng là nền tảng đạo lý cốt lõi nhất của mọi mối quan hệ xã hội; 3- Công bằng là sự tự do giao hoán trên cơ sở tự nguyện và cùng có lợi.

Ủng hộ mô thức thứ nhất, nhà chính trị học Mỹ N. Fraser cho rằng, “công bằng không đồng nhất với cào bằng mà là sự thừa nhận các giá trị cá nhân đặt trong tương quan với hệ quy chuẩn mang tính khách quan”<sup>4</sup>.

Đại diện tiêu biểu cho mô thức thứ hai là nhà triết học Mỹ J. Rawls với quan điểm: “Công bằng xã hội đạt được thông qua việc điều hòa lợi ích xã hội trên cơ sở sự phân bố các quyền và nghĩa vụ; chi phí và lợi nhuận trong hợp tác xã hội”<sup>5</sup>.

Thuộc trường phái - mô thức thứ ba, nhà xã hội học Mỹ T. Parsons khẳng định: “Công bằng xã hội là sự bình đẳng về cơ hội cạnh tranh cho tất cả mọi người”<sup>6</sup>.

Công bằng xã hội là một phạm trù có tính lịch sử, được tiếp cận dưới rất nhiều góc độ khác nhau: 1- Từ góc độ đạo đức, pháp lý (tương ứng giữa giá trị cá nhân và chuẩn mực xã hội); 2- Từ góc độ kinh tế (sự tương xứng giữa lao động và thu nhập, giữa cống hiến và hưởng thụ); 3- Từ góc độ chính trị, xã hội (bình đẳng đối với các cơ hội và điều kiện thực hiện cơ hội).

\* Tiến sỹ, Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Là một phạm trù có tính lịch sử, công bằng xã hội không phải là một khái niệm bất di, bất dịch; nó mang tính tương đối, bị quy định bởi hoàn cảnh lịch sử cụ thể, thay đổi theo điều kiện thực tiễn của từng xã hội, từng thời kỳ; phụ thuộc vào sự nhận thức và vận dụng của các chủ thể lịch sử. Nếu đem tách rời công bằng xã hội khỏi hoàn cảnh lịch sử cụ thể, thì công bằng xã hội ấy sẽ trở thành trừu tượng, khiên cưỡng, cứng nhắc, thiếu sức sống.

Được tiếp cận dưới các góc độ khác nhau, quan điểm về công bằng xã hội khá đa diện, nhưng *hợp điểm* của toàn bộ các cách tiếp cận, các quan điểm về công bằng xã hội không gì khác là đề cao *giá trị con người*, coi giá trị con người là *giá trị hàng đầu* của mọi giá trị thông qua việc giải phóng, phát triển con người và tạo ra những điều kiện mang *tính người*, để con người bình đẳng tồn tại, sáng tạo và phát triển. Chỉ số cao nhất của công bằng xã hội là “tự do và hạnh phúc”. Đó cũng chính là mục đích tự thân, mang tính nhân văn, hướng tới loại trừ cái phi nhân; thể hiện khát vọng thắm sâu, cháy bỏng, lý tưởng cao đẹp của con người và của cả loài người từ thủa khai thiên, lập địa cho tới tận ngày hôm nay. Cũng vì nó, hàng triệu triệu con người đã không ngại ngại, không mệt mỏi phấn đấu và tranh đấu. Công bằng xã hội vừa là điều kiện sơ khởi, quan trọng, cần thiết; vừa là điều kiện cốt lõi cuối cùng để xây dựng một xã hội nhân văn.

## 2. Nhóm lợi ích và công bằng xã hội

Thực hiện công bằng xã hội phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố và điều kiện khác

nhau, song nó đặc biệt phụ thuộc vào trình độ nhận thức, sự chi phối lợi ích của các giai cấp, các nhóm xã hội.

Lợi ích từ lâu đã được thừa nhận là động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội; sự công bằng lợi ích là một trong những thước đo của công bằng xã hội. Trong xã hội có giai cấp, tất yếu xuất hiện mâu thuẫn lợi ích và cách thức giải quyết mâu thuẫn lợi ích có thể biến lợi ích thành động lực hoặc phản động lực đối với xã hội và công bằng xã hội. Hiện nay, khi phân loại lợi ích, phổ biến cách phân chia theo ba tầng nấc: Lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm, lợi ích tổng thể, trong đó: 1- Lợi ích cá nhân bao gồm lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần của mỗi cá nhân; 2- Lợi ích nhóm là lợi ích của một nhóm người, có mối liên kết hoạt động, có mục tiêu tương đối chung, có ý thức liên kết để đạt được mục tiêu ấy<sup>7</sup>; 3- Lợi ích tổng thể là lợi ích chung của toàn xã hội, của quốc gia, vùng, hoặc toàn cầu. Nằm ở tầng nấc thứ hai, lợi ích nhóm giữ vai trò chủ đạo, có ảnh hưởng trực tiếp tới lợi ích cá nhân và lợi ích tổng thể. Như vậy, nền tảng - dựa trên đó hình thành cấu trúc, cơ chế hoạt động của xã hội chính là lợi ích. Từ lợi ích nhóm, hình thành nên những *nhóm lợi ích* (Interest Group). Xã hội là một hệ thống lợi ích phức tạp cùng với sự tương tác lợi ích trong từng nhóm, hoặc giữa các nhóm khác nhau trong trạng thái cạnh tranh, đấu tranh liên tục để nắm giữ bằng được quyền sở hữu, phân phối nguồn lực công và quyền được tham gia vào quá trình định hình, thông qua, xác lập các quyết định thuộc về quyền lực nhà nước

(chính sách), với mục đích có được lợi thế, ưu thế, lợi ích vượt trội. Theo A. Bentley, “không hình thành, tồn tại các *nhóm* đứng ngoài lợi ích. Xã hội - Đó là một tổng hợp của các nhóm lợi ích khác nhau, số lượng của chúng bị quy định và giới hạn bởi một chỉ số duy nhất: Lợi ích - cái mà từ đó chúng liên kết, hình thành và hoạt động”<sup>8</sup>. Nhóm lợi ích còn được coi là một loại hình tập hợp người đặc biệt - “nhóm gây áp lực”, hình thành, tồn tại trên cơ sở lợi ích chung - vì nó mà *nhóm - tập hợp người* tìm mọi phương thức, con đường tác động tới chính sách công, hòng đảm bảo và mang lại lợi ích cho nhóm nhiều nhất.

Đặc điểm chính để nhận diện nhóm lợi ích chính là *mức độ* của lợi ích nhóm. Mức độ lợi ích ấy có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với mặt bằng xã hội trong từng giai đoạn, hoặc trong những thời điểm nhất định. Điều quan trọng là ở chỗ mức độ lợi ích của nhóm đóng vai trò chỉ số tổng hợp, cơ bản, quan trọng, phản ánh vị thế và khả năng tác động của nhóm đến chính sách Nhà nước. Cũng cần lưu ý thêm rằng, không chỉ những nhóm có ưu thế trong xã hội mới có khả năng tác động đến quá trình hoạch định chính sách của Nhà nước, mà những nhóm có vị thế yếu, hoặc nhóm chịu nhiều tổn thất cũng có thể có những tác động nhất định đến nội dung chính sách. Điều đó hoàn toàn phụ thuộc vào tính minh bạch của nền chính trị.

Sự tồn tại của các nhóm lợi ích và đồng hành cùng với chúng là cạnh tranh lợi ích giữa các nhóm trong xã hội là một hiện thực khách quan không thể chối bỏ. Nhóm

lợi ích không đồng nghĩa với tiêu cực như người ta vẫn thường hình dung. Nhóm lợi ích có tính hai mặt. Dưới góc độ công bằng xã hội, *một mặt*, sự cạnh tranh lành mạnh giữa các nhóm lợi ích tác động tích cực tới đảm bảo công bằng xã hội, tạo các động lực cơ bản thúc đẩy phát triển xã hội; *mặt khác*, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các nhóm lợi ích, nhất là trong các nền chính trị không minh bạch, thông qua hình thức vận động hành lang (Lobby), nhằm tác động tới *cách thức, tỷ lệ* phân bổ lợi ích của Nhà nước, để tạo dựng và thụ hưởng đặc quyền, đặc lợi là nguy cơ trực tiếp đối với công bằng xã hội, hủy hoại tiến bộ xã hội. Luận giải trên đây cho thấy, tiếp cận vấn đề công bằng xã hội không thể tách rời sự tiếp cận chính trị và quyền lực chính trị; theo đó, tiếp cận chính trị không thể chỉ giới hạn ở các hình thức pháp luật, hoạt động của các tổ chức chính trị, các đảng phái chính trị..., mà cần tiếp cận từ yếu tố sâu xa, cội rễ nhất - lợi ích, hoạt động của con người tự nguyện liên kết trong các nhóm có cùng mục đích chính trị, thông qua thực hiện mục đích chính trị để đạt tới, đảm bảo lợi ích cao nhất.

Chính vì thế, vấn đề quan trọng nhất, song cũng khó khăn, phức tạp nhất của vận hành, quản trị xã hội để đáp ứng, bảo đảm công bằng xã hội là thực hiện *phối - kết hợp lợi ích* của các nhóm cụ thể với lợi ích của xã hội như *một toàn thể*. Kết quả của *thao tác chính trị* đó quy định sự ổn định xã hội, của toàn bộ hệ thống chính trị, tính hợp pháp, hiệu quả của Chính phủ, sự năng động của phong trào xã hội và uy tín của

đảng cầm quyền. Do vậy, công bằng xã hội tuy bị ràng buộc, chế định, chi phối bởi điều kiện kinh tế - văn hóa, chuẩn mực pháp luật và đạo đức, song yếu tố chi phối quyết định nhất, căn bản nhất, trực tiếp nhất là hệ thống chính trị; trong đó, vấn đề sâu xa, cội rễ nhất là vấn đề quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Quyền lực chính trị thiếu kiểm soát, hoặc kiểm soát không chặt chẽ là bà đỡ của những nhóm lợi ích bất minh.

### **3. Đảm bảo công bằng xã hội, nhóm lợi ích và vấn đề kiểm soát quyền lực chính trị**

Công bằng xã hội là nền tảng của một xã hội tốt<sup>9</sup>. Không thể xây dựng một xã hội lý tưởng, viên mãn nếu thiếu vắng công bằng xã hội với những giá trị nhân bản của nó. Trong xã hội với sự tồn tại, đấu tranh của các nhóm lợi ích khác nhau, để thúc đẩy xã hội phát triển bền vững trên nền tảng công bằng xã hội, vấn đề chất lượng thể chế chính trị thể hiện qua khả năng, mức độ kiểm soát quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước có ý nghĩa sống còn.

Nếu “thể chế chính trị là tổng hợp các phương pháp và cách thức thực hiện quyền lực nhà nước do tình hình chính trị trong nước chi phối”<sup>10</sup>, thì “điểm cốt yếu nhất, quyết định nhất đến thể chế chính trị là bản chất, hình thức, tính chất của quyền lực nhà nước, chính trị hiện hành”<sup>11</sup>; do đó, để “bản chất, hình thức, tính chất của quyền lực nhà nước” thực sự thuộc về số đông, đảm bảo lợi ích cho số đông, đảm bảo công bằng xã hội cho tất cả mọi người, vấn đề kiểm soát

quyền lực nhà nước được đặt ra từ rất sớm và luôn luôn tồn tại một khi còn tồn tại Nhà nước. Ở nhiều quốc gia, kể cả các quốc gia có thể chế chính trị tương đối hoàn thiện, việc tiếp tục xây dựng, hiện đại hóa cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước - tạo lập một cơ chế có khả năng khuyến khích tối đa ảnh hưởng tích cực của nhóm lợi ích (phân bổ công bằng lợi ích nhóm), cũng như giảm thiểu cao nhất ảnh hưởng tiêu cực của nhóm lợi ích (phân bổ lợi ích bất công giữa các nhóm, kìm chế tiềm năng, tước đoạt điều kiện phát triển) vẫn luôn được chú trọng. Bàn về vấn đề này, nhà xã hội học người Mỹ Frank Scarpatti cho rằng, “mục tiêu của công bằng xã hội chỉ có thể thực hiện thông qua một chính sách làm giảm sự tập trung quyền lực và những nguồn tài nguyên kinh tế trong tay một tầng lớp nhỏ đặc quyền của xã hội”<sup>12</sup>. Như vậy, một thể chế chính trị có hệ thống pháp luật hoàn thiện, tạo thế đối trọng giữa các nhóm lợi ích; “chủ động phát triển cơ chế đề kháng thông qua các quá trình tự cải tổ, đổi mới liên tục, thường xuyên, lâu dài, không ngừng trệ”<sup>13</sup>; đồng thời, đề cao minh bạch, hóa giải nhóm lợi ích, đạt tới cách thức phân bổ lợi ích *thỏa đáng*, làm cho lợi ích phát huy giá trị động lực, kích thích tối đa khả năng đóng góp, hạn chế tối đa khả năng gây hại của các nhóm lợi ích cho xã hội là yêu cầu cần đạt tới của một thể chế chính trị tiến bộ, văn minh, trong đó, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước phải luôn tịnh tiến đến sự hoàn bị.

Ở Việt Nam hiện nay, cơ chế vận hành xã hội, hệ thống chính sách, pháp luật chưa

hoàn thiện, phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước còn nhiều hạn chế, thiếu hiệu quả, ở nhiều nơi, nhiều lúc, hiện tượng lạm quyền, thiếu trật tự kỷ cương, mất dân chủ... khá phổ biến. Chính điều đó đã, đang, sẽ sản sinh ra một số nhóm lợi ích theo nghĩa *nhóm đặc quyền, đặc lợi* - nhóm lợi ích nhỏ về số lượng người trong tập hợp nhóm, song có lợi ích lớn, bất minh và có khả năng ảnh hưởng hoặc tác động mạnh mẽ, hoặc trực tiếp tham gia vào quá trình ra quyết sách của chính quyền, Nhà nước. Những nhóm lợi ích đặc quyền, đặc lợi ấy- những “thế lực” lớn, liên kết những cá nhân đơn lẻ, nhưng lại có điều kiện, khả năng kết nối chính trị với kinh tế, sử dụng chính trị để trục lợi kinh tế càng có điều kiện gia tăng, trở thành hiện tượng nhức nhối của xã hội khi thiếu cơ chế, phương thức kiểm soát, giám sát quyền lực nhà nước. Lợi ích thu được từ chính sách và ảnh hưởng chính sách vô cùng to lớn. Nó lớn hơn bất cứ thứ lợi nhuận nào có được từ sản xuất, hoặc kinh doanh trực tiếp. Do vậy, những nhóm đặc quyền, đặc lợi luôn mưu cầu tác động tới quá trình hoạch định chính sách của các cấp quản lý, của Nhà nước. Đây là hiện tượng “tham nhũng chính sách” - một loại hình tham nhũng không còn mấy mới mẻ ở Việt Nam, ngày càng trở nên tinh vi, phức tạp, diễn ra trên phạm vi rộng. Lợi ích và cách thức chiếm đoạt lợi ích, bảo vệ lợi ích của nhóm đặc quyền, đặc lợi đẩy họ đứng đối lập với đa số tập hợp người khác trong xã hội, đối lập với nhân dân. Nhóm lợi ích này là nguồn gốc của bất công, bất bình đẳng, bất công

bằng xã hội, là vật cản sự phát triển một xã hội lành mạnh, là nguy cơ trực tiếp đối với tồn vong chế độ. Sự hình thành, tồn tại những nhóm lợi ích đặc quyền, đặc lợi, *một mặt*, có nguyên nhân và phản ánh sự tha hóa, suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ thuộc về bộ máy quyền lực nhà nước; *mặt khác*, cho thấy cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đặc biệt tình trạng pháp quyền (lập pháp, hành pháp, tư pháp) của hệ thống chính trị Việt Nam vẫn tồn tại không ít “kê hở”, “lỗ hổng”, chưa đóng vai trò thực sự điều chỉnh hành vi, nhận thức của xã hội, cá nhân và tổ chức, chưa làm tròn vai trò phản tỉnh đối với xã hội. Như vậy, trong rất nhiều điểm “nghẽn” chi phối quá trình, hiệu quả đảm bảo công bằng xã hội, triệt tiêu những “nhóm lợi ích ngược”, vấn đề chất lượng đội ngũ cán bộ công quyền và phương thức, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước được coi là những nội dung chủ chốt, trọng yếu, cần giải quyết trước hết, đầu tiên. Đây là vấn đề khó, đòi hỏi thời gian, nhận thức, nỗ lực của nhiều lực lượng xã hội; đồng thời, cũng sẽ vấp phải sự chống đối, cản trở của không ít lực lượng xã hội. Để bước đầu giải quyết vấn đề nêu trên, cần hết sức lưu ý, tập trung vào những giải pháp chủ yếu:

*Thứ nhất*, đẩy mạnh dân chủ hóa xã hội.

Lý tưởng của nhân loại tiến bộ là xây dựng xã hội dân chủ. Dân chủ là bản chất của công bằng xã hội, là tuyên bố chính thức về quyền tự do, bình đẳng của con người. Dân chủ là môi trường nuôi dưỡng, nuôi sống năng lực, sức mạnh sáng tạo; sản

sinh, bồi đắp nguyện vọng công hiến cho xã hội của con người, trên cơ sở tôn vinh tính chủ động và khả năng làm chủ. Đó là giá trị nhân bản, mang tính người cao nhất, vì thế, là giá trị xã hội trường tồn. Lịch sử loài người biến đổi đầy thăng trầm, liên tục hoặc đứt đoạn, nhưng mãi mãi, giá trị của dân chủ có tính phổ quát, được tôn vinh, vượt thời gian.

Phản ánh mối quan hệ quyền lực - lợi ích của các chủ thể trong xã hội, với tư cách vừa là biểu hiện cao nhất của công bằng xã hội, vừa là điều kiện để đảm bảo công bằng xã hội, dân chủ đối lập với tha hóa quyền lực nhà nước, đối lập với những nhóm lợi ích đen tối. Dân chủ chỉ được thực hiện thông qua thể chế, thiết chế và cơ chế chính trị hợp lý, tiến bộ, văn minh, kỷ cương, pháp luật - một thiết chế, cơ chế thúc đẩy, đảm bảo sự tham gia của nhân dân trong kiểm soát quyền lực của nhà nước - một thiết chế dân chủ hoàn bị.

*Thứ hai*, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân trong đội ngũ cán bộ công quyền.

Chạy theo địa vị, hám danh lợi, chạy theo chức quyền, biến quyền lực nhà nước - quyền lực do nhân dân ủy quyền, giao quyền thành công cụ, phương tiện phục vụ mục đích cá nhân; trọng vật chất, ham muốn bổng lộc, tìm mọi cơ hội để trục lợi vật chất, nhất là những cơ hội có được do nắm quyền lực nhà nước trong tay - đó chính là chủ nghĩa cá nhân... Chủ nghĩa cá nhân cực kỳ nguy hiểm, là thứ "ung nhọt", là "kẻ thù bên trong" tệ hại nhất, là thứ vi trùng độc hại len lỏi vào cơ thể xã hội, giết

chết mọi mầm mống của công bằng xã hội. Bài trừ chủ nghĩa cá nhân phải được tiến hành thường xuyên, thực chất, trên cơ sở liên tục lành mạnh hóa bộ máy công quyền - phân công quyền lực nhà nước hợp lý, khoa học giữa các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp, làm cho quyền lực của pháp luật trở thành quyền lực tối thượng, bất phân thân sơ, bất phân địa vị, mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Chỉ có như vậy, mới hạn chế, đi đến bài trừ chủ nghĩa cá nhân, bài trừ nguyên nhân căn bản sản sinh ra nhóm lợi ích như một đối nghịch với công bằng xã hội.

*Thứ ba*, trung thực và minh bạch hóa thông tin.

Thông tin trong xã hội hiện đại được ví như quyền lực, có sức mạnh vô hình và vô cùng to lớn, giá trị hơn tiền của, vật chất. Do vậy, một trong những yếu tố gây nên bất bình đẳng xã hội, tạo điều kiện để nảy sinh, phát triển các "nhóm lợi ích ngược" là vấn đề thông tin và tiếp cận thông tin. Dân chủ cho phép mọi công dân có quyền, cơ hội và bình đẳng tiếp cận thông tin. Tuy nhiên, có cơ hội tiếp cận thông tin thôi chưa đủ, điều quan trọng là thông tin phải được minh bạch hóa, được truyền tải trung thực, đầy đủ - nếu thiếu những yếu tố kể trên, không có gì đảm bảo rằng, mối quan hệ bất đối xứng giữa các chủ thể trong xã hội sẽ không bị hạn chế, nhận thức của người dân không bị bóp méo. Thiếu minh bạch thông tin là một hình thức gây "mù chính trị", "gây nhiễu" chính trị, bịt mắt nhân dân, hạn chế giác ngộ chính trị, hạn

chế quyền làm chủ, hạn chế thực hiện dân chủ trực tiếp của người dân, tạo cơ hội, kẽ hở cho tầng lớp đặc quyền đặc lợi tồn tại, lộng hành, trục lợi bất chính, làm gia tăng các nhóm lợi ích có hại cho xã hội. Thông tin minh bạch, sát thực, khách quan định hướng, tạo dư luận xã hội, gây áp lực cho các thế lực bất chính, góp phần tiêu trừ cái phi lý. Vì thế, thông tin trung thực, minh bạch hết sức cần thiết đối với công bằng xã hội trong một xã hội mở, trong một thế giới mở phổ biến hiện nay.

*Một cách tổng quát*, công bằng xã hội là ước mơ, là lý tưởng luôn tồn tại và đồng hành cùng với con người. Đó là thước đo của tiến bộ xã hội, của văn minh nhân loại. Thực hiện, đảm bảo công bằng xã hội là nghĩa vụ và bản chất của một Nhà nước thân dân, gần dân, gắn bó với dân, yêu dân, trọng dân. Tinh thần ấy, thiết nghĩ, phải được thấu triệt và biến thành hành động cụ thể trong nhận thức, trong từng bước đi, trong từng bước phát triển và trong suốt quá trình phát triển ở Việt Nam hiện nay. Chỉ có như vậy, Việt Nam mới tránh được nguy cơ tụt hậu, không đánh mất cơ hội phát triển, mới có thể đứng ngang hàng với các quốc gia thế giới, khu vực, mới có thể bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

### **Chú thích**

1. Ирина Гаврилова, “Современные теории социальной справедливости”, Журнал “Полития”, № 1, 2009, с. 34. (Tiếng Việt: Irina Garilova “Lý thuyết hiện đại về công bằng xã hội”, Tạp chí “Chính thể”, số 1-2009, tr. 34)
2. Nhà triết học, kinh tế học người Anh (1806-1873)
3. Ирина Гаврилова, “Современные теории социальной справедливости”, *Sđđ*, с. 34.
4. Fraser N: *Justice Interrupts*, Cambridge, 1997, p. 99.
5. Шамилева Р. К: “Проблема справедливости в социальной теории Дж. Роулса”, Журнал *Философия и общество*, Выпуск №2 (50), 2008, с. 42. (Tiếng Việt: Shamileva R. K, “Vấn đề công bằng trong lý thuyết công bằng xã hội của J. Rawls, Tạp chí Triết học và xã hội, số 2-2008, tr. 42).
6. Парсонс.Т: *Системы современных обществ*, изд Новосибирск, 1998, с. 78 (Tiếng Việt: Parsons. T, “Hệ thống những xã hội hiện đại”, Nxb. Novosibirsk, 1998, tr.78)
7. Allan J. Cigler and Burdett A. Loomis: *Interest Group Politics*, Congressional Quarterly Press, 1995, p. 89.
8. А. Бентли: *Процесс управления*, Изд. “Автор”, Москва, 1996, с. 144 (Tiếng Việt: A.Bentlin, Quá trình quản lý, Nxb Aftor, M, 1996, tr. 144).
9. Dẫn theo Tổng giám đốc của Tổ chức Nhân lực quốc tế Juan Somavia.
10. <http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn>
11. <http://dictionary.bachkhoatoanthu.gov.vn>
12. Frank Scarpatti: *Social Problems*, Dreyden Press USA, 1977, p. 632.
13. Rawls, J. A: *Theory of justice*, N.Y, 1971, p.60.